

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2022/DS-PT

Ngày: 05/8/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tồn

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

- Nguyên đơn: Ngân hàng X; địa chỉ: Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Bích P - Giám đốc Phòng giao dịch B, thuộc Ngân hàng X - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Nguyên L; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hải H; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Đình B.

2. Anh Phạm Nguyễn Bảo H.

3. Chị Phạm Đình Xuân G.

Cùng địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

4. Chị Phạm Xuân Q; địa chỉ: Australia. (vắng mặt)

5. Chị Phạm Bảo Dạ L; địa chỉ: Hoa Kỳ. (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Thành N; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
7. Bà Nguyễn Thị Ngọc X; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
8. Ông Nguyễn Thái C; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
- Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Nguyên L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/7/2019 và quá trình tham gia giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng X trình bày:

Ngày 26/5/2017, bà Nguyễn Nguyên L ký kết hợp đồng tín dụng số: 5219 LAV- 201703705 với Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 1.500.000.000đ; Lãi suất vay 8,5%/năm; Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng chuồng trại, chăn nuôi heo.

Để đảm bảo trả cho Ngân hàng khoản tiền vay nêu trên, ngày 25/5/2017, ông Nguyễn Thái C ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 63, diện tích 673,9m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 17/9/2008, đảm bảo trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc bà L vay Ngân hàng 550.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Ngày 25/5/2017, vợ chồng ông Phạm Đình B, bà Nguyễn Nguyên L, ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 345, tờ bản đồ số 63, diện tích 211,7m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 17/9/2008, đảm bảo trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc bà L vay Ngân hàng 150.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Ngày 31/5/2017, vợ chồng ông Phạm Đình B, bà Nguyễn Nguyên L, ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 21A (nay là thửa số 373) tờ bản đồ số 62, diện tích 846m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 19/7/2002, đảm bảo trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc bà L vay Ngân hàng 800.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngày 26/5/2017, Ngân hàng giải ngân cho bà L vay 550.000.000đ; Ngày 02/6/2017, Ngân hàng giải ngân cho bà L vay 950.000.000đ.

Tính hết ngày 15/7/2019, bà L còn nợ Ngân hàng 1.500.000.000đ tiền nợ gốc, 175.029.167đ tiền lãi suất trong hạn và 73.666.667đ tiền lãi suất quá hạn; Tổng cộng là 1.748.695.833đ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết: Buộc bà Nguyễn Nguyên L phải trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi suất, tổng cộng 1.748.695.833đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 16/7/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng; Xử lý các tài sản thế chấp đối với 03 thửa đất nêu trên để Ngân hàng thu hồi tiền nợ gốc và tiền lãi suất.

Trong đơn phản tố ngày 14/9/2019 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Nguyên L trình bày:

Về nội dung hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà và Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đẩu Lắc đúng như nguyên đơn đã trình bày. Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho bà vay 1.500.000.000đ; Hiện tại bà còn nợ Ngân hàng 1.500.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, khoảng 19 giờ ngày 22/4/2017, bà mang 2.000.000.000đ đến phòng giao dịch B để trả nợ Ngân hàng khoản vay năm 2017 nhưng do hết giờ làm việc, ông Nguyễn Thành N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch B, yêu cầu bà giao số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc X là thủ quỹ phòng giao dịch nhập vào quỹ Ngân hàng, để sáng hôm sau làm thủ tục trả nợ cho Ngân hàng; Vì vậy, bà đã lấy lại 300.000.000đ để sử dụng trong gia đình; số tiền còn lại 1.700.000.000đ, bà gửi cho bà X để nhập vào quỹ Ngân hàng. Sáng hôm sau, bà đến Phòng giao dịch B để làm thủ tục trả nợ Ngân hàng; Bà X thông báo cho bà biết ông N đang giữ 1.700.000.000đ của bà; Bà liên lạc với ông N thì ông N hứa sẽ trả cho bà số tiền nêu trên nhưng hiện nay chưa trả. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả nợ 1.500.000.000đ đã vay cùng với tiền lãi suất, bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng với điều kiện Ngân hàng phải trả lại cho bà 1.700.000.000đ mà ông N đang chiếm giữ của bà. Vì vậy, bà phản tố yêu cầu Ngân hàng X phải trả lại cho bà 1.700.000.000đ mà bà đã gửi tại Phòng giao dịch B.

Về yêu cầu phản tố của bà L, Ngân hàng trình bày:

Ngày 22/4/2017, là ngày thứ bảy và là ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước nên Phòng giao dịch B không mở cửa làm việc. Sáng hôm sau là ngày chủ nhật cũng là ngày nghỉ nên không có việc bà L gửi vào quỹ Phòng giao dịch B 1.700.000.000đ như bà L khởi kiện. Việc vay mượn tiền giữa ông Nguyễn Thành N và bà L là giao dịch cá nhân giữa hai người, không liên quan đến khoản tiền 1.500.000.000đ bà L vay Ngân hàng vào ngày 26/5/2017. Vì vậy, Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà L.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ngày 18/4/2017, ông và bà L vay vợ chồng ông Nguyễn Phi Hải 2.000.000.000đ; Trong đó, ông sử dụng 1.700.000.000đ, bà L sử dụng 300.000.000đ; Sau khi nhận tiền vay từ vợ chồng ông Hải, ông và bà L mang

2.000.000.000đ về Phòng giao dịch B và chia tiền; đây là giao dịch riêng giữa ông và bà L, không liên quan đến Ngân hàng; Không có việc bà L gửi vào quỹ Phòng giao dịch B 1.700.000.000đ như bà L phản tố.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc X trình bày:

Bà là thủ quỹ Phòng giao dịch B, thuộc Ngân hàng X, Chi nhánh Bắc Đắc Lắc; Ngày 22/4/2017 là thứ bảy, là ngày nghỉ nên bà không đến Phòng giao dịch làm việc; Không có việc bà L gửi vào quỹ Phòng giao dịch B 1.700.000.000đ vào chiều ngày 22/4/2017 như bà L trình bày.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thái C và anh Phạm Nguyễn Bảo H, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C, anh H không đến Toà án tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng số: 5219 LAV-2017.03705, được ký kết ngày 26/5/2017, giữa bà Nguyễn Nguyên L và Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B, thuộc chi nhánh Bắc Đắc Lắc; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23/17/HĐTC được ký kết ngày 25/5/2017, giữa ông Nguyễn Thái C và Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B, thuộc chi nhánh Bắc Đắc Lắc; Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất Số: 22/17/HĐTC và số 26/17/HĐTC, được ký kết ngày 31/5/2017 và ngày 25/5/2017, giữa ông Phạm Đình B, bà Nguyễn Nguyên L và Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B thuộc chi nhánh Bắc Đắc Lắc; Điều 153, Điều 157 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Buộc bà Nguyễn Nguyên L, phải trả cho Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc 1.500.000.000đ tiền nợ gốc đã vay, tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 639.164.583đ; Tổng cộng 2.139.164.583đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 20/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền vay nêu trên cho Ngân hàng.

Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp bà Nguyễn Nguyên L không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng X 550.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 63, diện tích 673,9m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, của ông Nguyễn Thái C, để thanh toán khoản tiền nợ nêu trên; Đất đã được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 452739, do UBND thành phố B cấp ngày 17/9/2008.

Trường hợp bà Nguyễn Nguyên L không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng X 950.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 345, tờ bản đồ số 63, diện tích 211,7m² và thửa đất số 21A, tờ bản đồ số 62, diện tích 846m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, của hộ ông Phạm Đình B, để thanh toán khoản tiền nợ nêu trên; Thửa đất số 345 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số, AM 452740, do UBND thành phố B cấp ngày 17/9/2008; Thửa đất số 21A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 450303, do UBND thành phố B cấp ngày 19/7/2002.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Nguyên L về việc: Buộc Ngân hàng X phải trả lại cho bà L700.000.000đ, mà bà đã gửi Ngân hàng tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk vào ngày 22/4/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 01 năm 2022, bị đơn Nguyễn Nguyên L kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm. Ngoài ra, bà L còn tố cáo ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Ngọc Xuyên có hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tiền đề nghị điều tra làm rõ. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Lưu Hải Hưng đề nghị giữ nguyên nội kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo quy định pháp luật dân sự.

[2] Xét kháng cáo ông Nguyễn Nguyên L thì thấy;

Ngày 26/5/2017, bà Nguyễn Nguyên L ký kết hợp đồng tín dụng số: 5219 LAV-2017.03707 với Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk vay số tiền 1.500.000.000 đồng.

Để đảm bảo trả nợ cho Ngân hàng khoản tiền vay nêu trên; Ngày 25/5/2017, ông Nguyễn Thái C ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 17, tờ bản đồ số 63, tại phường T, thành phố B, bảo lãnh

cho bà L vay Ngân hàng 550.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Ngày 25/5/2017 và ngày 31/5/2017, vợ chồng ông Phạm Đình B, bà Nguyễn Nguyên L ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 345, tờ bản đồ số 63 và thửa số 21A, tờ bản đồ số 62, tại phường T, thành phố B, đảm bảo trả cho Ngân hàng 950.000.000đ bà L đã vay và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết; Việc ký kết hợp đồng đúng thẩm quyền, đúng mục đích kinh doanh tại thời điểm ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho cho bà L vay 1.500.000.000đ. Đến hạn trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, bà L không trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi suất là vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản, vi phạm hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà L phải trả cho Ngân hàng 1.500.000.000đ tiền nợ gốc đã vay, tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 639.164.583đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 20/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền vay nêu trên cho Ngân hàng là có căn cứ.

[2.1] Căn cứ nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được các bên ký kết và thỏa thuận khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng, nếu bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng được quyền lựa chọn phương thức xử lý tài sản thế chấp là yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận là đúng.

[2.2] Đối với kháng cáo về việc ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Ngọc X có hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Nếu có yêu cầu bà gửi đơn đến cơ quan Cảnh sát Điều tra tỉnh Đắk Lắk hoặc khởi kiện vụ án dân sự độc lập) vấn đề này không thuộc thẩm quyền xét xử phúc thẩm theo Điều 293 BLTTDS, Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa cấp sơ thẩm đã nhận xét đánh giá khách quan toàn diện vụ án và áp dụng đúng các quy định pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Ngoài ra, bà Nguyễn Nguyên L có đơn yêu cầu phản tố, buộc Ngân hàng X phải trả lại cho bà 1.700.000.000đ đã gửi tại Phòng giao dịch B, thuộc chi nhánh Bắc Đắk Lắk vào ngày 22/4/2017; Bà L được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà L, cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Nguyên L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 153, Điều 157 BLTTDS; điểm c khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng số: 5219 LAV-2017.03705, được ký kết ngày 26/5/2017 giữa bà Nguyễn Nguyên L và Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23/17/HĐTC, được ký kết ngày 25/5/2017, giữa ông Nguyễn Thái C và Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc; Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22/17/HĐTC và số 26/17/HĐTC, được ký kết ngày 31/5/2017 và ngày 25/5/2017, giữa ông Phạm Đình B, bà Nguyễn Nguyên L và Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc; Điều 153, Điều 157 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Nguyên, L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

2 . Buộc bà Nguyễn Nguyên L, phải trả cho Ngân hàng X, tại Phòng giao dịch B - Chi nhánh Bắc Đắc Lắc 1.500.000.000đ tiền nợ gốc đã vay, tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 639.164.583đ; Tổng cộng 2.139.164.583đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 20/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền vay nêu trên cho Ngân hàng.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1 Trường hợp bà Nguyễn Nguyên L không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng X 550.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 63, diện tích 673,9m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, của ông Nguyễn Thái C, để thanh toán khoản tiền nợ nêu trên; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 452739, do UBND thành phố B cấp ngày 17/9/2008.

3.2 Trường hợp bà Nguyễn Nguyên L không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng X 950.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và lãi suất phát sinh theo hợp

đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 345, tờ bản đồ số 63, diện tích 211,7m² và thửa đất số 21A, tờ bản đồ số 62, diện tích 846m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, của hộ ông Phạm Đình B, để thanh toán khoản tiền nợ nêu trên; Thửa đất số 345 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 452740 do UBND thành phố B cấp ngày 17/9/2008; Thửa đất số 21A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 450303, do UBND thành phố B cấp ngày 19/7/2002.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Nguyên L về việc: Buộc Ngân hàng X phải trả lại cho bà L 1.700.000.000d, mà bà đã gửi Ngân hàng tại Phòng giao dịch B, thuộc chi nhánh Bắc Đắk Lắk vào ngày 22/4/2017.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Nguyên L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0019039 ngày 06/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn